

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

(Áp dụng từ ngày 20 tháng 03 năm 2023)

1. Phí giao dịch/ Dịch vụ		
STT	Loại dịch vụ	Mức phí
1.1	Phí giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền niêm yết trực tiếp tại quầy hoặc qua nhân viên quản lý tài khoản cho toàn bộ khách hàng	
	Tổng giá trị giao dịch trong ngày từ 0 đến 200 triệu VND	0,4%
	Tổng giá trị giao dịch trong ngày trên 200 triệu VND đến 500 triệu VND	0,35%
	Tổng giá trị giao dịch trong ngày trên 500 triệu VND đến 1 tỷ VND	0,3%
1.2	Phí giao dịch cho tài khoản VIP	Thỏa thuận
1.3	Phí giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền niêm yết qua các kênh giao dịch trực tuyến	0,2%
1.4	Phí giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền niêm yết qua Call-Center (T-Stock)	0,4%
1.5	Phí giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền niêm yết qua Internet Broker	0,15%
1.6	Phí ứng tiền bán chứng khoán	12% - 14%/năm (Tinh trên tổng giá trị tiền ứng)
1.7	Phí ứng tiền cổ tức (Thời hạn ứng trước tối đa không quá 90 ngày)	14%/năm (tối thiểu 50.000 VND)
1.8	Phí giao dịch trái phiếu doanh nghiệp	0,10%
1.9	Phí giao dịch Trái phiếu chính phủ	
	Phí đấu thầu Trái phiếu	0,06%/ tổng giá trị kết quả giá trị đấu thầu trái phiếu
	Phí giao dịch Trái phiếu	
	Dưới 100 tỷ	0,10%
Từ 100 tỷ trở lên	Thỏa thuận	
2. Phí lưu ký		
STT	Loại dịch vụ	Mức phí mới
2.1	Phí chuyển khoản chứng khoán/ Tất toán tài khoản	
	Dưới 10.000 cổ phiếu	50.000đ/lần
	Từ trên 10.000 cổ phiếu	1,3 đ/cổ phiếu, tối thiểu 200.000đ/1 lần tối đa không quá 800.000đ/1 mã chứng khoán
2.2	Sao kê số dư tài khoản giao dịch (Tiền và chứng khoán)	
	Gửi sao kê giao dịch qua email	Miễn phí
	In sao kê giao dịch tại quầy	Miễn phí
	Sao kê giao dịch và xác nhận số dư tài khoản	50.000đ cho bản đầu tiên 20.000đ từ bản thứ hai trở đi
	Xác nhận nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	Khách hàng có tài khoản CK tại PHS: Miễn phí Khách hàng không có tài khoản CK tại PHS: • Khách hàng cá nhân: 300.000 đồng/bản • Khách hàng tổ chức: 500.000 đồng/bản
	Sao kê tài khoản tiền tại Ngân hàng IVB (thu hộ IVB)	11.000đ/1 tờ A4
2.3	Ký gửi chứng khoán	Miễn phí
2.4	Rút chứng khoán đã ký gửi	100.000đ/lần
2.5	Lưu ký chứng khoán (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ) (Thu hộ Trung Tâm Lưu ký)	0,27đ/cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền/tháng
		0,18đ/trái phiếu doanh nghiệp/tháng, tối đa 2.000.000đ/trái phiếu doanh nghiệp/tháng
		0,14đ/trái phiếu chính phủ/tháng, tối đa 1.400.000 đ/trái phiếu chính phủ/tháng
2.6	Quản lý chứng khoán cầm cố	0,1% giá trị thị trường tối thiểu 200.000đ/lần
2.7	Xác nhận cầm cố	100.000đ/lần
2.8	Chuyển nhượng quyền mua	
	Cùng công ty	100.000đ/lần
	Khác công ty	200.000đ/lần
	Phí chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán (PHS thu tương ứng bên chuyển hoặc bên nhận quyền sở hữu là khách hàng của PHS)	
	Chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	0,25% giá trị chuyển quyền sở hữu

2.9	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSD do UBCKNN chấp thuận	+ 0,25% giá trị chuyển quyền sở hữu đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm + 0,155% giá trị chuyển quyền sở hữu đối với trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công
	Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký chứng khoán tại VSD nhưng chưa giao dịch trên SGDCK	0,155% giá trị chuyển quyền sở hữu
	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; góp vốn bằng cổ phần vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán	0,17% giá trị chuyển quyền sở hữu
	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán do xử lý tài sản bảo đảm là chứng khoán đã đăng ký và thực hiện phong tỏa tại VSD	+ 0,17% giá trị chuyển quyền sở hữu đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm + 0,155% giá trị chuyển quyền sở hữu đối với trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công
	Tặng cho, thừa kế chứng khoán theo quy định của pháp luật	+ 0,25% giá trị chuyển quyền sở hữu đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm + 0,155% giá trị chuyển quyền sở hữu đối với trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công (thu bên nhận chuyển quyền sở hữu)
	Chuyển quyền sở hữu do thực hiện chào mua công khai	0,18% giá trị chuyển quyền sở hữu
	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF, thực hiện chứng quyền có bảo đảm	0,2% giá trị chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo mệnh giá quỹ ETF, giá trị chứng khoán cơ sở chuyển quyền sở hữu theo mệnh giá do thực hiện chứng quyền có bảo đảm (thu Nhà đầu tư thực hiện hoán đổi (mua, bán lại chứng chỉ quỹ ETF) với Quỹ ETF, nhà đầu tư có yêu cầu thực hiện chứng quyền có bảo đảm)
	Chuyển quyền sở hữu cổ phiếu giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau trong trường hợp đã đạt mức tối đa về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với cổ phiếu đó và mức giá thỏa thuận giữa các bên cao hơn giá trần của cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán tại thời điểm thực hiện giao dịch	0,25 % giá trị chuyển quyền sở hữu
	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán phục vụ phát hành hoặc hủy chứng chỉ lưu ký trong giao dịch giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài	0,2% giá trị chứng khoán cơ sở chuyển quyền sở hữu theo mệnh giá (thu bên chuyển quyền trong giao dịch chuyển quyền sở hữu chứng khoán phục vụ phát hành chứng chỉ lưu ký hoặc bên nhận chuyển quyền trong giao dịch chuyển quyền sở hữu phục vụ hủy chứng chỉ lưu ký)
Thuế chuyển nhượng cổ phiếu (Chi thu bên chuyển nhượng)	0,1%/giá trị chuyển quyền sở hữu (Thu hệ Cơ quan Thuế)	
2.10	Phong tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư	
	Phí phong tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư tại VSD	+ 0,1% giá trị chứng khoán phong tỏa đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm, tối đa 10 triệu đồng/mã chứng khoán + 0,01% giá trị chứng khoán phong tỏa đối với trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật quản lý nợ công, tối đa 10 triệu đồng/mã chứng khoán (Thu hệ Trung Tâm Lưu Ký)
	Phí phong tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư tại PHS	0,05% Giá trị trên mệnh giá Tối thiểu 200.000đ/Hồ sơ, Tối đa 2.000.000đ/Hồ sơ)
	Phí giải tỏa chứng khoán của dịch vụ phong tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư	0,05% Giá trị trên mệnh giá Tối thiểu 200.000đ/Hồ sơ, Tối đa 2.000.000đ/Hồ sơ)
2.11	Giá dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tại VSD	
	Đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu và phong tỏa chứng khoán	100.000 đồng/ hồ sơ
	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	100.000 đồng/ hồ sơ
	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	50.000 đồng/ hồ sơ
	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	50.000 đồng/ hồ sơ
	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm	50.000 đồng/ hồ sơ
	Giá cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm	50.000 đồng/ hồ sơ